

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học Trần Tế Xương**  
**Năm học 2026-2027**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học/số lớp</b>	15	15 phòng/15 lớp
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		
1	Phòng học kiên cố	15	15 phòng/15 lớp
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
<i>Đảm bảo đủ số phòng học theo quy định</i>			
<b>III</b>	<b>Số điểm trường lẻ</b>	0	
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	4095	8,22 m <sup>2</sup> /học sinh
<i>Đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định</i>			
<b>V</b>	<b>Diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	2265,34	3,92 m <sup>2</sup> /học sinh
<i>Đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định</i>			
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	720	48 m <sup>2</sup> / lớp
2	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	72	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m <sup>2</sup> )	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m <sup>2</sup> )	60	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m <sup>2</sup> )	0	
6	Diện tích phòng học tin học (m <sup>2</sup> )	48	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m <sup>2</sup> )	32	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m <sup>2</sup> )	24	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội(m <sup>2</sup> )	30	
<i>Đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định</i>			
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ: 15 bộ/15lớp
1	Khối lớp 1	3	3/3
2	Khối lớp 2	3	3/3
3	Khối lớp 3	3	3/3
4	Khối lớp 4	3	3/3
5	Khối lớp 5	3	3/3
<i>Đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định</i>			
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)	<b>18</b>	Số HS/bộ: 2 HS/1 bộ
<i>Đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định</i>			

<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	16	14 cái /14 lớp
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	
5	Bộ âm thanh ( amly, loa )	2	
6	Bảng tương tác thông minh	0	
7	Laptop	3	
8	Máy chiếu cự ly gần	0	
9	Đàn Organ	3	
10	Bảng tương tác kèm phần mềm điều khiển	0	
11	Hệ thống phòng họp trực tuyến	0	

*Đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định*

<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	<b>60 m<sup>2</sup></b>
----------	----------------	-------------------------

*Đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định*

<b>XI</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên		Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
				Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*				2/2		0.14
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*						

(\*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường

Tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về nhà tiêu-điều kiện đảm bảo vệ sinh)..

		Có	Không
<b>XII</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	x	
<b>XIII</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	x	
<b>XIV</b>	<b>Kết nối internet</b>	x	
<b>XV</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b>	x	
<b>XVI</b>	<b>Tường rào xây</b>	x	

*Nam Định, ngày 29 tháng 05 năm 2026*

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Giáng Hương**